TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21/9/2020.
"V/v ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Phạm Thị Khánh Thiện.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên.

Ông Nguyễn Văn Khóa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn **-** Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 159/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 về việc "Ly hôn, nuôi con chung". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 13/8/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 161/2020/QĐST - HNGĐ ngày 03/9/2020 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Đào Thị H**, sinh ngày 20/7/1986.

HKTT: Khu dân cư C, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: thôn Đ, xã N, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn D**, sinh ngày 15/10/1980.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Khu dân cư C, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Đài Loan.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Khắc B**, sinh năm 1950.

Địa chỉ: KDC C, phường C, TP C, tỉnh Hải Dương.

(Chị H và ông B có đơn xin xử vắng mặt, anh D vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - Nguyên đơn chị Đào Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn D được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký hết hôn ngày 28/01/2004 tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương (nay là phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương). Vợ chồng chung sống đến nay được 16 năm, trong thời gian chung sống giữa vợ chồng anh chị liên tục xảy ra mâu thuẫn do anh D cờ bạc, rượu chè và đánh đập chị. Sau nhiều năm chịu đựng đến năm 2019 thì chị

nhận thấy không thể chịu đựng được nữa, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

Hiện nay anh Nguyễn Văn D đang lao động bên Đài Loan, giữa chị và anh D đã lâu không có liên lạc nên chị không biết địa chỉ ở bên Đài Loan của anh D. Đề nghị Tòa án xác minh địa chỉ của anh D qua bố mẹ anh D là ông Nguyễn Khắc B và bà Bùi Thị V, địa chỉ khu dân cư C, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh X, sinh ngày 20/01/2007 và Nguyễn Đức Anh Q, sinh ngày 08/8/2012. Hiện cả hai cháu đều đang ở với ông bà nội. Trong đơn khởi kiện chị có nguyện vọng được nuôi hai con chung không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Trong trường hợp anh D không đồng ý cho chị nuôi cả 02 con chung thì chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Nguyễn Thị Thanh X, sinh ngày 20/01/2007 còn anh Dinh sẽ nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Nguyễn Đức Anh Q, sinh ngày 08/8/2012. Chị và anh D không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc, chị H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H không cung cấp được địa chỉ của anh Nguyễn Văn D tại Đài Loan. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã lấy lời khai của bà Bùi Thị V và ông Nguyễn Khắc B là bố mẹ đẻ anh D, ông B và bà V đều xác nhận anh D vẫn thỉnh thoảng liên lạc về nhà. Tòa án yêu cầu ông B và bà V cung cấp địa chỉ của anh D ở Đài Loan và yêu cầu anh D gửi văn bản trình bày ý kiến, quan điểm của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H, nhưng ông B và bà V không cung cấp được địa chỉ của anh D, anh D cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi về cho Tòa án. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho ông B và bà V, đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, ông Bậc và bà Viết xác định đã thông tin cho anh D biết, anh D có ý kiến với gia đình : Nhất trí ly hôn với chị H; về con chung: Anh D đề nghị được nuôi cả 2 con chung Nguyễn Đức Anh Q và Nguyễn Thị Thanh X và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung, trong trường hợp nếu không được nuôi cả 02 con chung thì anh D đề nghị Tòa án giao được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Nguyễn Đức Anh Q và giao cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Thị Thanh X, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian anh D đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan thì ủy quyền cho ông bà nội (ông B và bà V) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung khi nào anh D về Việt Nam sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Ông B và bà V đồng ý ủy quyền của anh D

thay mặt anh D chăm sóc con chung của anh D và chị H đến khi anh D về Việt Nam; về tài sản anh D không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn được chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện chưa đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập tài liệu và thời hạn chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng theo Điều 476 BLTTDS nên KSV đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn tiếp tục cung cấp địa chỉ của bị đơn đến hết thời hạn chuẩn bị xét xử mới giải quyết vụ án. Do vậy, VKS không có quan điểm về đường lối giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không cung cấp được địa chỉ của anh D tại Đài Loan. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án đã hai lần yêu cầu gia đình anh D cung cấp địa chỉ, cũng như thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh D biết để gửi lời khai về cho Tòa án, nhưng gia đình không cung cấp được và không thực hiện yêu cầu của Tòa án, đồng thời Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do đó Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Chị H và ông B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt lần thứ hai. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh D và ông B.

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đào Thị H và anh Nguyễn Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương (nay là phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương) vào ngày 28/01/2004, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, do anh D đi lao động ở nước ngoài vợ chồng xa cách nên ít quan tâm đến nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D. Về phía anh D cũng đã được gia đình cho biết Tòa án đang giải quyết ly hôn theo đơn xin ly hôn của chị H. Anh D cũng có quan điểm đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nên có căn cứ chấp nhận cho chị Hường ly hôn anh Dinh theo quy định tại Điều 56 Luật HNGĐ.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 2 con chung là Nguyễn Thị Thanh X, sinh ngày 20/01/2007 và Nguyễn Đức Anh Q, sinh ngày 08/8/2012. Hiện cả hai con đều đang ở với bố mẹ đẻ anh D. Chị H và anh D đều có nguyện vọng được nuôi cả hai con, tuy nhiên nếu các bên không đồng ý chị Hường xin được nuôi cháu X, anh D xin được nuôi cháu Q. HĐXX thấy đề nghị mỗi người nuôi một con của anh chị là phù hợp, chị H xin được nuôi cháu X, cháu X cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, mặt khác cháu là con gái nên cần ở với mẹ để được chăm sóc là phù hợp. Đối với cháu Q mặc dù có nguyện vọng được ở với mẹ tuy nhiên xét về điều kiện chị H hiện tại đang làm lao động tự do nên không có điều kiện về mặt vật chất cũng như thời gian để nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con chung. Do vậy cần giao cháu Q cho anh D nuôi dưỡng. Trong thời gian anh D đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan anh ủy quyền cho bố đẻ là ông B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đến khi anh D về Việt Nam và hai bên không không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau, ông B đồng ý nuôi dưỡng chái Q. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của chị H và anh D, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng không xem xét.

[3].Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 58, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đào Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Thanh X, sinh ngày 20/01/207 cho chị H nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Giao con chung là Nguyễn Đức Anh Q cho anh D nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Anh D và chị H không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Tạm giao cháu Nguyễn Đức Anh Q cho ông Nguyễn Khắc B chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi anh D về Việt Nam.

Chị H và anh D được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nợ chung: Anh D, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đào Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0002775 ngày 02

tháng 7 năm 2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị Đào Thị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đào Thị H, ông Nguyễn Khắc B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND phường C, TP C;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Khánh Thiện